

UBND HUYỆN CỬ CHI
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 02 /PGDDĐT

Củ Chi, ngày 09 tháng 01 năm 2025

V/v triển khai tờ gấp tuyên truyền quy
định pháp luật

Kính gửi:

- Hiệu trưởng các trường MN, TH, THCS;
- Hiệu trưởng các trường MN ngoài công lập;
- Hiệu trưởng Trường TH-THCS Tân Trung;
- Thủ trưởng đơn vị trực thuộc và Chủ các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập trên địa bàn huyện.

Căn cứ Công văn số 3044/TP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Phòng Tư pháp huyện về việc triển khai tờ gấp tuyên truyền quy định pháp luật.

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện đề nghị các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện triển khai tờ gấp tuyên truyền quy định pháp luật đến cán bộ, giáo viên, nhân viên và người lao động tại đơn vị.

Đính kèm các tờ gấp tuyên truyền:

1. Tờ gấp tuyên truyền một số quy định của Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về quản lý, sử dụng pháo và Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

2. Tờ gấp tuyên truyền một số quy định của Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy; Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình.

Trên đây là nội dung về việc triển khai tờ gấp tuyên truyền quy định pháp luật của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện. Đề nghị các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện triển khai thực hiện nghiêm túc văn bản này. /ch

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo và Công chức Phòng GDĐT huyện để thực hiện;
- Lưu: VT, LHDũng.

Q. TRƯỞNG PHÒNG



Kim Văn Minh

10

THE SECRETARY OF THE ARMY
WASHINGTON, D. C.
OFFICE OF THE SECRETARY

TO THE SECRETARY OF THE ARMY
FROM THE SECRETARY OF THE ARMY
SUBJECT: [Illegible]

[The following text is extremely faint and largely illegible. It appears to be a memorandum or official communication, possibly detailing a report or action taken. Key words like "report", "action", "information", and "subject" are faintly visible.]



**HỘI ĐỒNG HỘI HỢP PHỎ BIẾN,
GIAO BƯC PHÁP LUẬT**

TÀI ĐIỀU, TUYÊN TRUYỀN

**MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ
50/2024/NĐ-CP NGÀY 10/5/2024 CỦA CHÍNH PHỦ
VÀ MỨC PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG
LĨNH VỰC PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Trích dẫn một số quy định của Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy; Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình.



I. Cơ sở thuộc diện quản lý về phòng cháy và chữa cháy

(Điều 4 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 và khoản 1 Điều 5 của Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024)

Cơ sở quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2001, được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều

của Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2013 (sau đây gọi chung là Luật Phòng cháy và chữa cháy) đang hoạt động, đang bị tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động là cơ sở thuộc diện quản lý về phòng cháy và chữa cháy.

Cơ quan, tổ chức có thể có một hoặc nhiều cơ sở; trong phạm vi một cơ sở có thể có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động.

II. Điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở

(Khoản 4 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024)

Điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này phải được người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở trực tiếp quản lý tổ chức thực hiện trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động.

Trường hợp trong cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động, người đứng đầu cơ sở chịu trách nhiệm quản lý và duy trì điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy chung của cơ sở.

III. Điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện giao thông cơ giới

(Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024)

Phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy được quy định tại mục 19 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này phải bảo đảm và duy trì các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy sau đây:

a) Các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8:

- Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ từ 04 chỗ ngồi trở lên phải bảo đảm điều kiện hoạt động đã được kiểm định, vật tư, hàng hóa bố trí, sắp xếp trên phương tiện phải bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy.

- Đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trên 09 chỗ ngồi, phương tiện hoạt động trên đường thủy nội địa, phương tiện giao thông đường sắt phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

+ Có nội quy, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy hoặc theo quy định của Bộ Công an;

+ Hệ thống điện, nhiên liệu, vật tư, hàng hóa bố trí, sắp xếp trên phương tiện phải bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy;

+ Có phương tiện chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm hoạt động bảo đảm số lượng, chất lượng phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy hoặc theo quy định của Bộ Công an;

+ Có quy định, phân công nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy và tổ chức sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ.

b) Có Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế hoặc văn bản thẩm duyệt thiết kế (nếu có) và văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an (nếu có), trừ phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy được cơ sở quốc phòng chế tạo hoặc hoàn cải chuyên dùng cho hoạt động quân sự;

c) Có phương án chữa cháy do chủ phương tiện phê duyệt.

IV. Cấp phép, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ

(Khoản 9 Điều 9 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024)

Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ có hiệu lực trên toàn quốc và có giá trị không quá 24 tháng đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ theo kế hoạch hoặc hợp đồng vận chuyển và không quá niên hạn sử dụng của phương tiện vận chuyển.

V. Vi phạm quy định về kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy

(Điều 48 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ)

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi hành nghề dịch vụ phòng cháy và chữa cháy mà không có Chứng chỉ hành nghề về phòng cháy

và chữa cháy phù hợp với hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Sử dụng người không có chứng chỉ hành nghề về phòng cháy và chữa cháy trong hoạt động kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy đối với trường hợp yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề;

b) Tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung Chứng chỉ hành nghề, Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy;

c) Không nộp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy khi không còn kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy;

d) Không duy trì đầy đủ các điều kiện về con người, cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị bảo đảm hoạt động kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy sau khi đã được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy;

đ) Cấp biên bản kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy đối với các loại phương tiện phòng cháy và chữa cháy không đúng với danh mục phương tiện đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép kiểm định;

e) Cấp biên bản kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy khi không thực hiện đúng quy trình kiểm định do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy khi chưa có giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật;

b) Kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy không đúng với lĩnh vực trong Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy;

c) Cấp biên bản kiểm định mà không thực hiện việc kiểm định hoặc không đúng sự thật.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Sản xuất, kinh doanh phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy không đúng thông số kỹ thuật theo Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy đã được cơ quan có thẩm quyền cấp;

b) Đưa phương tiện phòng cháy và chữa cháy vào lưu thông khi chưa được kiểm định theo quy định của pháp luật.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a và b khoản 4 Điều này;

b) Buộc thu hồi Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm c và d khoản 2 Điều này;

c) Buộc thu hồi biên bản kiểm định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 Điều này;

d) Buộc nộp lại Chứng chỉ hành nghề, giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

VI. Vi phạm quy định về phòng, chống cháy, nổ tại hộ gia đình

(Điều 50 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ)

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định an toàn phòng cháy và chữa cháy để xảy ra cháy, nổ mà gây thiệt hại về tài sản từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy để xảy ra cháy, nổ mà gây thiệt hại về tài sản trên 100.000.000 đồng;

b) Vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể dưới 61%;

c) Vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này dưới 61%.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:
Buộc chi trả toàn bộ chi phí khám bệnh, chữa bệnh

đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm b và c khoản 2 Điều này.

VII. Vi phạm trong việc để xảy ra cháy, nổ
(Điều 51 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ)

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định an toàn về phòng cháy và chữa cháy để xảy ra cháy, nổ gây thiệt hại về tài sản dưới 20.000.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định an toàn phòng cháy và chữa cháy để xảy ra cháy, nổ gây thiệt hại về tài sản từ 20.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định an toàn phòng cháy và chữa cháy để xảy ra cháy, nổ gây thiệt hại về tài sản từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Vi phạm quy định an toàn phòng cháy và chữa cháy để xảy ra cháy, nổ mà gây thiệt hại về tài sản trên 100.000.000 đồng;

b) Vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể dưới 61%;

c) Vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này dưới 61%.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:
Buộc chi trả toàn bộ chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm b và c khoản 4 Điều này.



**Phòng Cháy Chữa Cháy Là
Trách Nhiệm Của Toàn Dân**

**HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHÁO BIỂN,
GIÁO DƯỠNG PHÁP LỆT
HUYỆN CƯ CHỈ**

**TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN VỀ MỘT SỐ
QUY ĐỊNH CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ
137/2020/NĐ-CP NGÀY 27/11/2020 CỦA
CHÍNH PHỦ VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG
PHÁO VÀ MỨC TRUY CỨU TRÁCH
NHIỆM HÌNH SỰ ÁP DỤNG ĐỐI VỚI
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH QUẢN
LÝ, SỬ DỤNG PHÁO**

Trích dẫn một số quy định của Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về quản lý, sử dụng pháo và Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

I. Phân biệt pháo hoa, pháo nổ và thuốc pháo
(Điều 3 của Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ)

- *Pháo* là sản phẩm có chứa thuốc pháo, khi có tác động của xung kích thích cơ, nhiệt, hóa hoặc điện gây ra phản ứng hóa học nhanh, mạnh, sinh khí, tạo ra hiệu ứng âm thanh, ánh sáng, màu sắc trong không gian, gây ra tiếng nổ hoặc không gây ra tiếng nổ. Pháo bao gồm: Pháo nổ, pháo hoa.

- *Pháo nổ* là sản phẩm được chế tạo, sản xuất thủ công hoặc công nghiệp, khi có tác động của xung kích thích cơ, nhiệt, hóa hoặc điện gây ra tiếng nổ hoặc gây ra tiếng rít, tiếng nổ và hiệu ứng màu sắc trong không gian.

Pháo nổ gây ra tiếng rít, tiếng nổ và hiệu ứng màu sắc trong không gian được gọi là pháo hoa nổ;

Pháo hoa nổ tầm thấp là quả pháo có đường kính không lớn hơn 90 mm hoặc tầm bắn không vượt quá 120 m. Pháo hoa nổ tầm cao là quả

pháo có đường kính trên 90 mm hoặc tầm bắn trên 120 m;

- *Pháo hoa* là sản phẩm được chế tạo, sản xuất thủ công hoặc công nghiệp, khi có tác động của xung kích thích cơ, nhiệt, hóa hoặc điện tạo ra các hiệu ứng âm thanh, ánh sáng, màu sắc trong không gian, không gây ra tiếng nổ.

II. Nguyên tắc quản lý, sử dụng pháo, thuốc pháo

(Điều 4 của Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ)

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Việc quản lý, sử dụng pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo phải bảo đảm đúng mục đích, đúng quy định và bảo đảm an toàn, bảo vệ môi trường.

3. Người quản lý, sử dụng pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo phải bảo đảm đủ điều kiện theo quy định.

4. Pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo và các loại giấy phép bị mất, hư hỏng phải kịp thời báo cáo cơ quan quản lý có thẩm quyền.

5. Pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo khi không còn nhu cầu, hết hạn sử dụng, không còn khả năng sử dụng phải được tiêu hủy theo quy định.

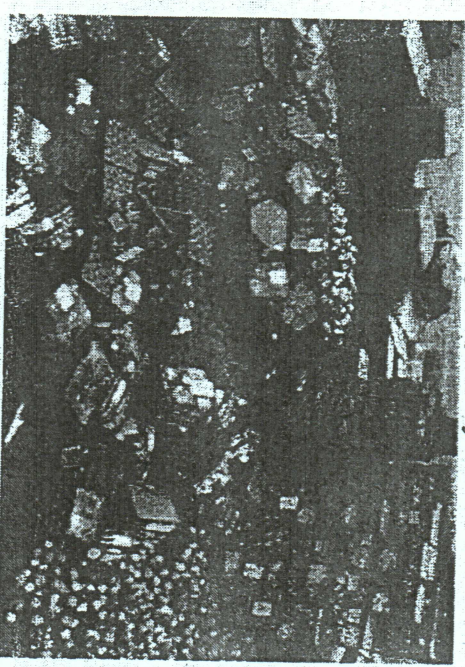
6. Việc tiêu hủy pháo, thuốc pháo phải bảo đảm đúng trình tự, an toàn, bảo vệ môi trường và theo quy định của pháp luật.

III. Các hành vi bị nghiêm cấm

(Điều 5 của Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ)

1. Nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng hoặc chiếm đoạt pháo nổ; trữ trường hợp tổ chức, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ

nghiên cứu, sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu, cung cấp, vận chuyển, sử dụng pháo hoa nổ theo quy định tại Nghị định này.



Các loại pháo cấm sử dụng.

2. Nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép pháo hoa, thuốc pháo.

3. Mang pháo, thuốc pháo trái phép vào, ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc vào nơi cấm, khu vực cấm, khu vực bảo vệ và mục tiêu bảo vệ.

4. Lợi dụng, lạm dụng việc sử dụng pháo để xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, tính mạng, sức khỏe, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

5. Trao đổi, tặng cho, gửi, mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, cầm cố pháo hoa nổ hoặc thuốc pháo để sản xuất pháo trái phép; vận chuyển, bảo quản, tiêu hủy pháo không bảo đảm an toàn hoặc làm ảnh hưởng đến môi trường.

6. Chiếm đoạt, mua, bán, trao đổi, tặng, cho, mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, cầm cố, làm giả, sửa chữa, tẩy xóa các loại giấy phép về pháo.

7. Giao pháo hoa nổ, thuốc pháo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện theo quy định.

8. Hướng dẫn, huấn luyện, tổ chức huấn luyện cách thức chế tạo, sản xuất, sử dụng trái phép pháo dưới mọi hình thức.

9. Có ý cung cấp thông tin sai lệch về quản lý, bảo quản pháo, thuốc pháo; không báo cáo hoặc báo cáo không kịp thời, che giấu hoặc làm sai lệch thông tin về việc mất, thất thoát, tai nạn, sự cố về pháo, thuốc pháo.

IV. Sử dụng pháo hoa
(Điều 17 của Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ).

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ được sử dụng pháo hoa trong các trường hợp sau: Lễ, tết, sinh nhật, cưới hỏi, hội nghị, khai trương, ngày kỷ niệm và trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi sử dụng pháo hoa chỉ được mua pháo hoa tại các tổ chức, doanh nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh pháo hoa.

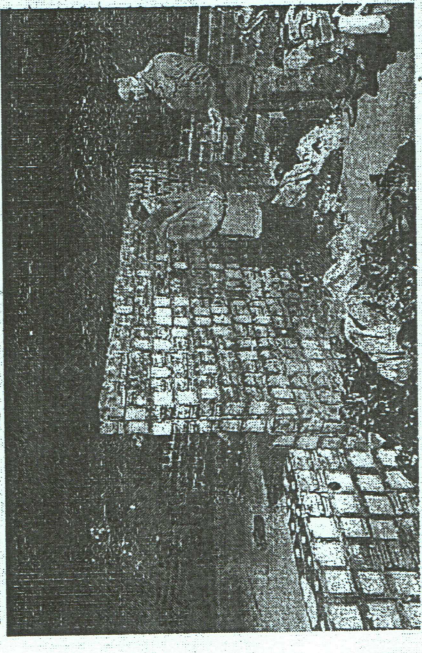
V. Tội sản xuất, buôn bán, tàng trữ và vận chuyển hàng cấm

1. Hành vi sản xuất, buôn bán pháo nổ từ 06 kilogram đến dưới 40 kilogram: Bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm (khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 41 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 năm 2017).

2. Hành vi sản xuất, buôn bán pháo nổ từ 40 kilogram đến dưới 120 kilogram: Bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 05 năm đến 10 năm (khoản 2 Điều 190 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 40 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 năm 2017).

3. Hành vi sản xuất buôn bán pháo nổ 120 kilogram trở lên: Bị phạt tù từ 08 năm đến 15 năm (khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 40 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 năm 2017).

4. Hành vi tàng trữ, vận chuyển pháo nổ từ 06 kilogram đến dưới 40 kilogram: Bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm (khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 41 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 năm 2017).

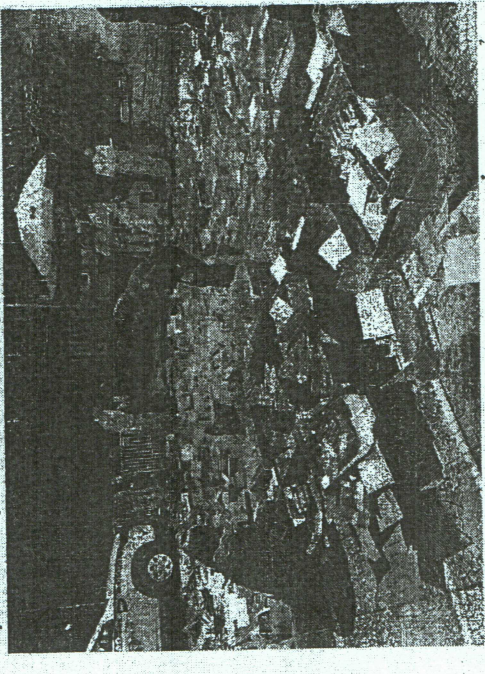


Bắt quả tang hành vi tàng trữ vận chuyển pháo nổ trái phép.

5. Hành vi tàng trữ, vận chuyển pháo nổ từ 40 kilogram đến dưới 120 kilogram: Bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 05 năm (khoản 2 Điều 191 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 41 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 năm 2017).

6. Hành vi tàng trữ, vận chuyển pháo nổ 120 kilogram trở lên: phạt tù từ 05 năm đến 10 năm

(khoản 3 Điều 191 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 41 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 năm 2017).



Bắt quả tang hành vi vận chuyển pháo nổ trái phép.

VI. Trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp được nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo

(Điều 19 của Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ).

1. Duy trì thường xuyên, liên tục các điều kiện về an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy, phòng ngừa, ứng phó sự cố, bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động trong quá trình hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo.

2. Việc sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo phải bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chủng loại, nhãn hiệu, nước sản xuất, năm sản xuất, hạn sử dụng.